TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN TAM NÔNGĐộc lập – Tự do – Hạnh Phúc
TỈNH ĐỒNG THÁP

Bản án số: 49/2024/DS-ST
Ngày: 25-9-2024
"V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG- TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Ông Lê Hoàng Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Sĩ;

Ông Phan Ngọc Thành.

Thư ký phiên toà: bà Nguyễn Bảo Tâm- Thư ký Toà án nhân dân huyện Tam Nông.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông tham gia phiên toà:*bà Hồ Thị Thuần – Kiểm sát viên.

Vào ngày 25 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 148/2024/TLST-DS ngày 19 tháng 3 năm 2024, về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2024/QĐXXST-DS, ngày 29 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2024/QĐST-DS ngày 13 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP S

Địa chỉ trụ sở: 2 N, phường V, quận C, thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Công P vụ: Phó Phòng giao dịch (Theo Giấy ủy quyền số 45/2023/GUQ-CNCT ngày 13/6/2023.

- *Bị đơn:* Ông Mai Tấn T năm 1982.

Địa chỉ: Số D, ấp P, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp

Người làm chứng: Bà Văn Thị M T1sinh năm 1980 (vợ ông T11

Địa chỉ: ấp P, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp

Đại diện nguyên đơn có mặt tại phiên tòa; Bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do; Người làm chứng có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 13/6/2023, bản tự khai ngày 15/8/2024 biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 13/6/2024 và tại phiên toà đại diện nguyên đơn ông Phạm Công P1 trình bày: Ngày 06/9/2016 ông Mai Tấn T1 có ký với Ngân hàng thương mại cổ phần S1 đồng Thẻ tín dụng. Căn cứ thu nhập của ông Mai Tấn T2 hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông Mai Tấn T3 thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 304.895.526 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt đến nay ông T3 thanh toán cho Ngân hàng số tiền 289.776.000 đồng. Do ông T4 ngừng vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 30/11/2022 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ số dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với ông Mai Tấn T5 cầu ông T12 trách nhiệm thanh toán khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để ông T6 nợ, tuy nhiên ông T7 chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký.

Nay Ngân hàng TMCP S(S1yêu cầu ông Mai Tấn T8 trả cho S1tổng số tiền tính đến thời điểm ngày 25/9/2024 là 64.303.171đ. Trong đó, nợ gốc là 33.520.795đ; lãi quá hạn là 30.782.376đ. Đồng thời yêu cầu tính lãi phát sinh từ ngày 26/9/2024 đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án có tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho ông Mai Tấn T1 đúng theo quy định, nhưng ông T không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, không đến Tòa án để tham gia hòa giải và tham dự phiên tòa theo quy định.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án trên như sau:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và nguyên đơn đều chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án có tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho ông Mai Tấn T9 theo quy định, nhưng ông T không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, không đến Tòa án để tham gia hòa giải và tham dự phiên tòa theo quy định.

Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự; Điều 91 và Điều 98 Luật Tổ chức tín dụng năm

2010:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu bị đơn trả số tiền vay gốc và lãi còn nợ là 64.303.171đ. Ông Mai Tấn T10 tục chịu lãi của số tiền vay gốc còn thiếu, theo mức lãi suất Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng, kể từ ngày 26/9/2024 cho đến khi thi hành xong số nợ gốc trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngân hàng TMCP S(S1nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với ông Mai Tấn T11 Xét thấy, người khởi kiện có quyền khởi kiện và đã thực hiện đúng về thủ tục khởi kiện theo quy định tại các Điều 186, 188, 189 và 190 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ tại ấp P, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Thápnên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật:

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Ngân hàng TMCP S(S1nộp đơn khởi kiện yêu cầu ông Mai Tấn T8 trả lại số tiền vay gốc còn thiếu và tiền lãi theo quy định được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp:

Trong phần tranh luận tại phiên tòa, ông P đại diện cho Ngân hàng TMCP S(S1trình bày: Yêu cầu ông Mai Tấn T12 trách nhiệm trả lại cho Ngân hàng số tiền vay gốc còn nợ là 33.520.795đ và tiền lãi đến ngày 25/9/2024 là 30.782.376đ. Tổng cộng gốc và lãi là 64.303.171đ. Yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Mai Tấn T1 phải tiếp tục chịu lãi của số iền vay gốc trên, kể từ ngày 26/9/2024, theo mức lãi suất quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng mà ông T3 ký kết, cho đến khi ông T6 dứt số tiền trên cho Ngân hàng.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ chấp nhận. Bởi vì; Qua xem xét Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng thể hiện: Ngân hàng TMCP S có ký hợp đồng Thẻ tín dụng đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 30.000.000đ, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông Mai Tấn T3 thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 304.895.526 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt đến nay ông T3 thanh toán cho Ngân hàng số tiền 289.776.000đ. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông T4 ngừng vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 30/11/2022, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ số dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Sau khi chấm dứt sử dụng thẻ của ông T2 hàng đã nhiều lần đến gặp ông T13 yêu cầu ông trả số nợ trên, nhưng ông T3 nhiều lần vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Căn cứ vào vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng do Ngân hàng cung cấp thể hiện ông T12 nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc là 33.520.795đ và tiền lãi đến ngày 25/9/2024 là 30.782.376đ. Tổng cộng gốc và lãi là 64.303.171đ. Do đó, nghĩ nên buộc ông T12 trách nhiệm trả lại cho Ngân hàng số tiền vay còn thiếu theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng nêu trên là phù hợp và có căn cứ chấp nhận.

[5] Do yêu cầu của Ngân hàng là có căn cứ chấp nhận nên ông T8 chịu án phí theo quy định.

[6] Tại phiên tòa, ông T vắng mặt lần thứ 2 không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T là phù hợp và đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa, phù hợp với các chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, phù hợp với các quy định của pháp luật, nghĩ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, 466 và 468 Bộ Luật Dân sự; Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 91, Điều 98 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S (S1 đối với ông Mai Tấn T11

Buộc ông Mai Tấn T12 trách nhiệm trả lại cho Ngân hàng TMCP S(S1 số tiền vay gốc còn thiếu theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng là 33.520.795đ và tiền lãi đến ngày 25/9/2024 là 30.782.376đ. Tổng cộng gốc và lãi là 64.303.171đ (Sáu mươi bốn triệu ba trăm lẻ ba nghìn một trăm bảy mươi mốt đồng).

Ông Mai Tấn T10 tục chịu lãi của số tiền vay gốc còn thiếu, theo mức lãi suất Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng, kể từ ngày 26/9/2024 cho đến khi thi hành xong số nợ gốc trên.

2/ Về án phí:

Ông Mai Tấn T8 chịu 3.215.000đ (Ba triệu hai trăm mười lăm nghìn đồng), tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP S2 nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.049.000đ (Một triệu không trăm bốn mươi chín nghìn đồng), theo biên lai thu

tiền tạm ứng án phí số 0005994 ngày 12/3/2024, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông.

Báo cho nguyên đơn biết, có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án hôm nay. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Phòng GĐKT Toà án Tỉnh;
- VKSND huyện Tam Nông;
- Chi cục THADS huyện Tam Nông;
- Các đương vụ trong vụ án;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Hoàng Vũ